

Số: 274/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 16 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 386/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Bùi Văn Q, sinh năm: 1979;

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: ấp M, xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/6/2006 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/11/2020, ông Q và bà T tự nguyện ly hôn với nhau là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Bùi Huệ N, sinh ngày: 19/9/2001, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị T cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị T cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: có 01 con chung tên Bùi Huệ N, sinh ngày: 19/9/2001, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị T cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị T cùng khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003479 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- UBND xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triều